

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 11 - 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đăng Huấn; 2. Ông Y Mip Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1968 (Có mặt)

Trú tại: Số nhà 112, thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trương T, Sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Trú tại: Số nhà 112, thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trương T (tên gọi khác là Trương Đ) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/12/1991 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn được 01 năm thì ông bà vào chung sống tại huyện K, tỉnh Đắk

Lắc. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nên hai bên không có sự chia sẻ, cảm thông và tôn trọng nhau. Ông T có lối sống gia trưởng, độc đoán hay chửi bới, xúc phạm danh dự, đánh đập bà T. Hàng xóm trước đây cũng nhiều lần khuyên can, hòa giải nhưng không được. Đến nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu Trương Thị Thùy T, sinh ngày 24/11/1993 và cháu Trương Công N, sinh ngày 14/8/2001. Cháu T đã trên 18 tuổi và hiện đang đi làm tại Tp Đà Nẵng, còn cháu N đang học lớp 12. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trương T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc.

Biên bản xác minh ngày 06/10/2018 tại xã P, huyện K xác định: Trong thời gian chung sống, ông Trương T và bà Nguyễn Thị T thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Ông T tính gia trưởng, thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con. Tổ hòa giải của thôn và hàng xóm đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn gia đình của ông T, bà T đã phát sinh từ cách đây mấy năm cho đến nay. Việc bà T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trương T. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị giao cháu Trương Công N, sinh ngày 14/8/2001 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trương T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 13/11/2018 nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: bà Nguyễn Thị T và ông Trương T (Trương Đ) tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự cảm thông, tôn trọng nhau, ông T có lối sống gia trưởng, độc đoán hay chửi bới, xúc phạm danh dự, đánh đập bà T, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Nay bà T xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với ông T. Xét yêu cầu ly hôn của bà T là chính đáng phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Trương Thị Thùy T, sinh ngày 24/11/1993 và cháu Trương Công N, sinh ngày 14/8/2001. Cháu Trinh đã đủ tuổi trưởng thành, còn cháu Nguyên thì bà T xin được nuôi dưỡng, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần thiết giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà T không có yêu cầu về cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Trương T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trương T (Trương Đ).

2. Về con chung: Giao cháu Trương Công N, sinh ngày 14/8/2001 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trương T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002797 ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện K
- THADS huyện K
- UBND xã P
- UBND xã Q
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Năng
- THADS huyện Krông Năng
- UBND xã Phú Xuân
- UBND xã Quảng T
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thiên Lý